TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 01 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thanh Phong

Bà Ngô Hồng Dưỡng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 513/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 353/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Ấp C K xã Q P, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: Ấp K H V, xã Q P, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh N kết hôn vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q P, huyện Đ D, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai bên đã hàn gắn nhiều lần chưng không thể chung sống nên chị Trang yêu cầu xin ly hôn với anh Nàng.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Hoàng Gia K, sinh năm 2009 hiện đang sống với chị T, khi ly hôn chị T xin nuôi con, việc cấp dưỡng không dặt ra.

Về tài sản chung và nợ: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn N: Quá trình Toà án triệu tập anh N vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm và anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án tiến hành cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh Nàng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thấy rằng, về nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh, chị bất đồng quan điểm sống, không hoà hợp với nhau, mâu thuẫn của anh, chị được hàn gắn nhiều lần nhưng không thể chung sống. Mặt khác, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T xác định không còn tình cảm với anh N, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của anh, chị đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

[3] Về con chung: Đối với cháu Gia K, sinh năm 2009 tại biên bản ghi nguyện vọng cháu thể hiện là được sống với chị T. Do đó, cần giao cháu Nguyễn Hoàng Gia K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T không đặt ra, anh N cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị T xác định không có, anh N không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia K, sinh năm 2009 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Anh Nguyễn Văn N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0002074 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- UBND xã Q P B, huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hồ Ngọc Yến